**BỘ TÀI CHÍNH**

**TỔNG CỤC THUẾ**

**-----------**

**BẢN THUYẾT MINH**

**Nội dung dự thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 209/2013/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung Thông tư số 80/2021/TT-BTC**

*(Kèm theo công văn số……../BTC-TCT ngày……/……/2022)*

**I. Sự cần thiết ban hành Thông tư**

Ngày 29/4/2022, Bộ Tài chính đã có Tờ trình Chính phủ số 93/TTr-BTC về việc ban hành Nghị định số ..../2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP.

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP) gồm các nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về giá tính thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản và giá tính thuế giá tính thuế GTGT đối với hoạt động sản xuất điện của Tập đoàn điện lực Việt Nam.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư

- Về hiệu lực thi hành (bao gồm nội dung chuyển tiếp)

Tại khoản 4 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định như sau:

*“4. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.”*

Để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong thực hiện chính sách thuế GTGT và kịp thời hướng dẫn thực hiện khi Nghị định được ban hành thì dự thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP là cần thiết.

**II. Kết cấu của dự thảo Thông tư**

Dự thảo Thông tư gồm 03 Điều:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính.

- Điều 2: Sửa đổi, bổ sung điểm a.4 khoản 2 Điều 28 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính.

- Điều 3: Hiệu lực thi hành.

**III. Nội dung dự thảo Thông tư**

Theo quy định tại Luật Ban hành VBQPPL thì thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính chỉ được quy định nội dung được giao, chỉ được hướng dẫn các nội dung đã được quy định tại Nghị định và không được quy định lặp lại nội dung của văn bản được quy định chi tiết.

Do đó, đối với các nội dung đã được quy định cụ thể tại Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 209/2013/NĐ-CP thì tại dự thảo Thông tư chỉ dẫn chiếu quy định tại Nghị định. Đối với các nội dung không được quy định tại Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 209/2013/NĐ-CP thì tại dự thảo Thông tư không hướng dẫn.

Cụ thể, các nội dung tại dự thảo Thông tư như sau:

**1. Về giá tính thuế đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản trong trường hợp xây dựng nhà chung cư nhiều tầng:**

***- Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định:***

*“1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 Điều 4 như sau:*

*“3. Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, giá tính thuế giá trị gia tăng là giá chuyển nhượng bất động sản trừ (-) giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng.*

*a) Giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng được quy định cụ thể như sau:*

*a.1) Trường hợp được Nhà nước giao đất để đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nhà để bán, giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng bao gồm tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về thu tiền sử dụng đất và tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có).*

*a.2) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất trúng đấu giá.*

*a.3) Trường hợp thuê đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có).*

*Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng quy định tại điểm a.1 và điểm a.3 khoản này là số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định pháp luật về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.*

*a.4) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng. Cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của cơ sở hạ tầng (nếu có). Trường hợp không xác định được giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại thời điểm ký hợp đồng nhận chuyển nhượng.*

*Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng bất động sản của các tổ chức, cá nhân đã xác định giá đất bao gồm cả giá trị cơ sở hạ tầng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015) thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng không bao gồm cơ sở hạ tầng.*

*Trường hợp không tách được giá trị cơ sở hạ tầng tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại thời điểm ký hợp đồng nhận chuyển nhượng.*

*a.5) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá ghi trong hợp đồng góp vốn. Trường hợp giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thấp hơn giá đất nhận góp vốn thì chỉ được trừ giá đất theo giá chuyển nhượng.*

*a.6) Trường hợp cơ sở kinh doanh bất động sản thực hiện theo hình thức xây dựng - chuyển giao (BT) thanh toán bằng giá trị quyền sử dụng đất thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá tại thời điểm ký hợp đồng BT theo quy định của pháp luật; nếu tại thời điểm ký hợp đồng BT chưa xác định được giá thì giá đất được trừ là giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định để thanh toán công trình.*

*b) Trường hợp xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê, giá tính thuế giá trị gia tăng là số tiền thu được theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng trừ (-) giá đất được trừ tương ứng với tỷ lệ % số tiền thu được trên tổng giá trị hợp đồng.”*

***- Đề xuất hướng dẫn tại dự thảo Thông tư:***

Tại Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP quy định:

*“Điều 4. Giá tính thuế*

*….*

*Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể giá tính thuế quy định tại Điều này.”*

Tại khoản 10 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC hướng dẫn:

*“10.**Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, giá tính thuế là giá**chuyển nhượng bất động sản trừ (-) giá đất được trừ để tính thuế GTGT.*

*a) Giá đất được trừ để tính thuế GTGT được quy định cụ thể như sau:*

*…*

*a.7) Trường hợp xây dựng nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư để bán thì giá đất được trừ tính cho 1m2 nhà để bán được xác định bằng giá đất được trừ theo quy định từ điểm a.1 đến a.6 nêu trên chia (:) số m2 sàn xây dựng không bao gồm diện tích dùng chung như hành lang, cầu thang, tầng hầm, công trình xây dựng dưới mặt đất.”*

Tại dự thảo Nghị định chỉ sửa đổi khoản 3, khoản 4 Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP, do đó, quy định giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể giá tính thuế quy định tại Điều 4 vẫn còn hiệu lực theo quy định hiện hành.

Bên cạnh đó, tại khoản 4 Điều 2 dự thảo Nghị định sửa Nghị định 209 quy định:

*“4. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.”*

Căn cứ thẩm quyền của Bộ Tài chính được giao tại Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP và khoản 4 Điều 2 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 209, để tránh vướng mắc khi thực hiện, tại dự thảo Thông tư hướng dẫn về cách thức phân bổ khi xác định giá tính thuế đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản trong trường hợp xây dựng nhà chung cư được kế thừa từ Thông tư 219/2013/TT-BTC, cụ thể tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Thông tư hướng dẫn như sau:

“***10. Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, giá tính thuế GTGT thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số……./2022/NĐ-CP ngày …tháng……năm 2022 của Chính phủ.***

Trường hợp xây dựng nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư để bán thì giá đất được trừ tính cho 1m2 nhà để bán được xác định bằng giá đất được trừ theo quy định ***tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số……./2022/NĐ-CP ngày …tháng……năm 2022*** nêu trên chia (:) số m2 sàn xây dựng không bao gồm diện tích dùng chung như hành lang, cầu thang, tầng hầm, công trình xây dựng dưới mặt đất.*”*

**2. Về giá tính thuế giá tính thuế GTGT đối với hoạt động sản xuất điện của Tập đoàn điện lực Việt Nam**

***- Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định:***

*“4. Giá tính thuế đối với hoạt động sản xuất điện của Tập đoàn điện lực Việt Nam như sau:*

*a) Đối với điện của các công ty thủy điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện, giá tính thuế giá trị gia tăng để xác định số thuế giá trị gia tăng nộp tại địa phương nơi có nhà máy thủy điện được tính bằng 35% giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật điện lực và pháp luật giá.*

*b) Đối với điện của các công ty nhiệt điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện, giá tính thuế giá trị gia tăng để xác định số thuế giá trị gia tăng nộp tại địa phương nơi có nhà máy nhiệt điện là giá bán điện cho khách hàng ghi trên hóa đơn theo hợp đồng mua bán điện áp dụng cho từng nhà máy nhiệt điện.*

*Trường hợp chưa có hợp đồng mua bán điện áp dụng cho từng nhà máy nhiệt điện thì giá tính thuế giá trị gia tăng được xác định là giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật điện lực và pháp luật giá.*

*c) Đối với điện của các công ty sản xuất điện (trừ thủy điện, nhiệt điện) hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện, giá tính thuế giá trị gia tăng để xác định số thuế giá trị gia tăng nộp tại địa phương nơi có nhà máy sản xuất điện là giá bán điện chưa có thuế giá trị gia tăng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định cho từng loại hình phát điện.*

*Trường hợp chưa có giá bán điện do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định cho từng loại hình phát điện nêu tại điểm này thì giá tính thuế giá trị gia tăng được xác định là giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật điện lực và pháp luật giá.”*

***- Đề xuất hướng dẫn tại dự thảo Thông tư:***

Trên cơ sở quy định tại dự thảo Nghị định, tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Thông tư hướng dẫn như sau:

***“13. Giá tính thuế đối với hoạt động sản xuất điện của Tập đoàn điện lực Việt Nam*** ***thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số……./2022/NĐ-CP ngày …tháng……năm 2022 của Chính phủ.”***

**3. Về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư**

***- Tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định:***

*“2. Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế đối với dự án đầu tư như sau:*

*a) Cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ (bao gồm cả cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư) có dự án đầu tư mới (bao gồm cả dự án đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc nhiều hạng mục đầu tư) theo quy định của Luật Đầu tư tại địa bàn cùng tỉnh, thành phố hoặc khác tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này và dự án đầu tư xây dựng nhà để bán, dự án đầu tư không hình thành tài sản cố định) đang trong giai đoạn đầu tư hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, có số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư lũy kế chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên được hoàn thuế giá trị gia tăng.*

*Cơ sở kinh doanh thực hiện kê khai thuế giá trị gia tăng riêng đối với dự án đầu tư và phải bù trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện (nếu có). Sau khi bù trừ nếu số thuế giá trị gia tăng đầu vào lũy kế của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên được hoàn thuế giá trị gia tăng.*

*Trường hợp dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thì cơ quan thuế có thể sử dụng kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán để quyết định việc hoàn thuế giá trị gia tăng.*

*b) Đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc các trường hợp sau thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư theo quy định tại điểm a khoản này:*

*b.1) Dự án đầu tư trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận.*

*b.2) Dự án đầu tư trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành chưa phải đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận.*

*b.3) Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành không phải có giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận.*

*c) Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp:*

*c.1) Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế là dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận hoặc chưa đáp ứng được điều kiện để thực hiện đầu tư kinh doanh có điều kiện mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới hình thức văn bản theo quy định của pháp luật về đầu tư (trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này).*

*Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế là dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng trong quá trình hoạt động cơ sở kinh doanh bị thu hồi một trong các giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận; hoặc trong quá trình hoạt động cơ sở kinh doanh không đáp ứng được điều kiện để thực hiện đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư thì thời điểm không hoàn thuế giá trị gia tăng được tính từ thời điểm cơ sở kinh doanh bị thu hồi một trong các loại giấy tờ nêu trên hoặc từ thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, phát hiện cơ sở kinh doanh không đáp ứng được các điều kiện về đầu tư kinh doanh có điều kiện.*

*c.2) Dự án đầu tư khai thác tài nguyên, khoáng sản được cấp phép từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 hoặc dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hàng hóa mà tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên theo dự án đầu tư, trừ dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí quy định tại điểm a khoản này.*

*Việc xác định tài nguyên, khoáng sản; trị giá tài nguyên, khoáng sản và thời điểm xác định trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 3 Nghị định này.”*

***- Đề xuất hướng dẫn tại dự thảo Thông tư:***

*(a) Về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn, hạng mục đầu tư:*

Tại điểm 2.a khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 209 quy định:

*“2. Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế đối với dự án đầu tư như sau:*

*a) Cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ (bao gồm cả cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư) có dự án đầu tư mới (bao gồm cả dự án đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc nhiều hạng mục đầu tư) theo quy định của Luật Đầu tư tại địa bàn cùng tỉnh, thành phố hoặc khác tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này và dự án đầu tư xây dựng nhà để bán, dự án đầu tư không hình thành tài sản cố định) đang trong giai đoạn đầu tư hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, có số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư lũy kế chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên được hoàn thuế giá trị gia tăng.*

*Cơ sở kinh doanh thực hiện kê khai thuế giá trị gia tăng riêng đối với dự án đầu tư và phải bù trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện (nếu có). Sau khi bù trừ nếu số thuế giá trị gia tăng đầu vào lũy kế của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên được hoàn thuế giá trị gia tăng.”*

Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 209 quy định trường hợp hoàn thuế đối với dự án đầu tư mới (bao gồm cả dự án đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc nhiều hạng mục đầu tư) đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư lũy kế chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT. Quy định này được hiểu: trường hợp một hoặc một số giai đoạn, hạng mục của dự án đầu tư đã hoàn thành nhưng vẫn còn một hoặc một số giai đoạn, hạng mục của dự án đầu tư chưa hoàn thành thì cả dự án đầu tư đó chưa hoàn thành, vẫn đang trong giai đoạn đầu tư và thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT.

Do đó, tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Thông tư hướng dẫn rõ nội dung này cụ thể như sau:

*“2. Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số……./2022/NĐ-CP ngày …tháng……năm 2022 của Chính phủ.*

*Trường hợp cơ sở kinh doanh có dự án đầu tư mới đang trong giai đoạn đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc nhiều hạng mục đầu tư mà trong đó có giai đoạn, hạng mục đầu tư đã hoàn thành và giai đoạn, hạng mục đầu tư chưa hoàn thành thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư của dự án đầu tư (bao gồm các giai đoạn, hạng mục đầu tư). Cơ sở kinh doanh phải bù trừ số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư với số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện. Sau khi bù trừ nếu số thuế GTGT đầu vào lũy kế của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT cho dự án đầu tư.”*

*(b) Về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư chưa góp đủ vốn điều lệ:*

- Tại Luật số 106/2013/QH13 quy định:

*“Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp:*

*a) Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn Điều lệ như đã đăng ký; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có Điều kiện khi chưa đủ các Điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ Điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động;”*

Tại khoản 1 Điều 4 Luật số 106/2013/QH113 quy định *: ”Luật này có hiệu lưc thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, trừ quy định tại khoản 2 Điều này”*

- Tại khoản 3 Điều 18 Thông tư số 219/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 130/2016/TT-BTC) hướng dẫn:

*“c) Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp:*

*c.1) Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký theo quy định của pháp luật. Các hồ sơ đề nghị hoàn thuế dự án đầu tư nộp từ ngày 01/7/2016 của cơ sở kinh doanh nhưng tính đến ngày nộp hồ sơ không góp đủ số vốn điều lệ như đăng ký theo quy định của pháp luật thì không được hoàn thuế.”*

Do đó, để tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện, tại dự thảo Thông tư hướng dẫn về không hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư chưa góp đủ vốn điều lệ như đã đăng ký giữ nguyên quy định của Thông tư số 130 (do được nêu chung trong khoản 3 Điều 18 Thông tư số 219 (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 130) chỉ sắp xếp lại thứ tự cho phù hợp, cụ thể tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Thông tư hướng dẫn như sau:

*“3. Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với trường hợp dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký theo quy định của pháp luật. Các hồ sơ đề nghị hoàn thuế dự án đầu tư nộp từ ngày 1/7/2016 của cơ sở kinh doanh nhưng tính đến ngày nộp hồ sơ không góp đủ số vốn điều lệ như đăng ký theo quy định của pháp luật thì không được hoàn thuế.”*

**4. Về hồ sơ hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư**

- Tại điểm a.4 khoản 2 Điều 28 Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn:

*“Điều 28. Hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng*

*2. Các tài liệu có liên quan theo trường hợp hoàn thuế, cụ thể như sau:*

*a) Trường hợp hoàn thuế dự án đầu tư:*

*...*

*a.4) Bản sao Giấy phép kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép đầu tư kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ);”*

- Tại khoản 6 Điều 87 Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn:

*“Điều 87. Hiệu lực thi hành*

*…*

*6. Các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.”*

- Tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định:

*“2. Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế đối với dự án đầu tư như sau:*

*....*

*b) Đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc các trường hợp sau thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư theo quy định tại điểm a khoản này:*

*b.1) Dự án đầu tư trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận.*

*b.2) Dự án đầu tư trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành chưa phải đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận.*

*b.3) Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành không phải có giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận.*

*c) Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp:*

*c.1)* *Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện* *khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Luật thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế là dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận; hoặc chưa đáp ứng được điều kiện để thực hiện đầu tư kinh doanh có điều kiện mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới hình thức văn bản theo quy định của pháp luật về đầu tư (trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này).”*

*Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Luật thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế là dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng trong quá trình hoạt động cơ sở kinh doanh bị thu hồi một trong các giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận; hoặc trong quá trình hoạt động cơ sở kinh doanh không đáp ứng được điều kiện để thực hiện đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư thì thời điểm không hoàn thuế giá trị gia tăng được tính từ thời điểm cơ sở kinh doanh bị thu hồi một trong các loại giấy tờ nêu trên hoặc từ thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, phát hiện cơ sở kinh doanh không đáp ứng được các điều kiện về đầu tư kinh doanh có điều kiện.*

*c.2) Dự án đầu tư khai thác tài nguyên, khoáng sản được cấp phép từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 hoặc dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hàng hóa mà tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên theo dự án đầu tư, trừ dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí quy định tại điểm a khoản này.*

*Việc xác định tài nguyên, khoáng sản; trị giá tài nguyên, khoáng sản và thời điểm xác định trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 3 Nghị định này.”*

***Đề xuất hướng dẫn tại dự thảo Thông tư:***

Để phù hợp với quy định tại dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 209/2013/NĐ-CP, Vụ Chính sách trình Tổng cục sửa đổi, bổ sung nội dung quy định tại điểm a.4 khoản 2 Điều 28 Thông tư số 80/2021/TT-BTC tại Điều 3 dự thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định sửa đổi Nghị định 209 như sau:

*“Điều 28. Hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng*

*2. Các tài liệu có liên quan theo trường hợp hoàn thuế, cụ thể như sau:*

*a) Trường hợp hoàn thuế dự án đầu tư:*

*...*

*a.4) Đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện: Bản sao giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận”*

**5. Về hiệu lực thi hành**

*(a) Hướng dẫn về hiệu lực thi hành của dự thảo Thông tư.*

Tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Thông tư hướng dẫn:

***“Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.***

*(b) Về quy định chuyển tiếp về hoàn thuế GTGT của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện:*

***- Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định:***

*“2. Quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại khoản 3 Điều 1 Nghị định này được áp dụng kể từ ngày Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ có hiệu lực thi hành.*

*Trường hợp cơ sở kinh doanh đã bị thu hồi số thuế giá trị gia tăng của dự án đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP) thì cơ quan thuế điều chỉnh tiền thuế giá trị gia tăng, tiền chậm nộp, tiền phạt vi phạm hành chính về thuế (nếu có). Việc bù trừ, hoàn nộp thừa thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.”*

***- Đề xuất hướng dẫn tại dự thảo Thông tư:***

Để thực hiện thống nhất, tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện, tại dự thảo Thông tư hướng dẫn cụ thể nội dung điều chỉnh tiền thuế giá trị gia tăng, tiền chậm nộp, tiền phạt vi phạm hành chính về thuế quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số...../2022/NĐ-CP, cụ thể tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Thông tư hướng dẫn như sau:

*“2. Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng điều chỉnh tiền thuế giá trị gia tăng, tiền chậm nộp, tiền phạt vi phạm hành chính về thuế (nếu có) theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số...../2022/NĐ-CP thì việc điều chỉnh thực hiện như sau:*

*a) Đối với số tiền thuế giá trị gia tăng đã bị thu hồi hoàn:*

*a.1) Trường hợp cơ sở kinh doanh đã nộp số tiền thuế giá trị gia tăng bị thu hồi hoàn vào ngân sách nhà nước thì được hoàn trả như sau:*

*a.1.1) Trường hợp cơ sở kinh doanh chưa bù trừ số thuế GTGT bị thu hồi hoàn với số thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh của hoạt động sản xuất kinh doanh thì cơ quan thuế hoàn số thuế nộp thừa theo quy định;*

*a.1.2) Trường hợp cơ sở kinh doanh đã bù trừ số thuế GTGT bị thu hồi hoàn với số thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh của hoạt động sản xuất kinh doanh thì cơ quan thuế hoàn số thuế nộp thừa đối với số thuế GTGT chưa bù trừ hết (nếu có) theo quy định.*

*a.2) Trường hợp cơ sở kinh doanh chưa nộp số tiền thuế GTGT bị thu hồi hoàn vào ngân sách nhà nước thì cơ quan thuế điều chỉnh giảm số thuế GTGT thu hồi hoàn.*

*b) Đối với số tiền chậm nộp, tiền phạt vi phạm hành chính về thuế (nếu có) thì xử lý như sau:*

*b.1) Trường hợp cơ sở kinh doanh đã nộp số tiền chậm nộp, tiền phạt vi phạm hành chính về thuế vào ngân sách nhà nước thì cơ quan thuế hoàn số tiền nộp thừa theo quy định;*

*b.2) Trường hợp cơ sở kinh doanh chưa nộp số tiền chậm nộp, tiền phạt vi phạm hành chính về thuế vào ngân sách nhà nước thì cơ quan thuế điều chỉnh giảm số tiền chậm nộp, tiền phạt vi phạm hành chính về thuế.*

*c) Trường hợp cơ quan thuế đã ban hành quyết định thu hồi tiền hoàn thuế, tính tiền chậm nộp và xử phạt vi phạm hành chính về thuế thì cơ quan thuế ra quyết định điều chỉnh theo Mẫu quyết định số 38 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ. Trường hợp cơ sở kinh doanh đã khai bổ sung số thuế giá trị gia tăng thu hồi hoàn thì cơ sở kinh doanh và cơ quan thuế thực hiện theo Mẫu số 02/KTT ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính để điều chỉnh lại số tiền thuế giá trị gia tăng thu hồi hoàn, tiền chậm nộp.”*